

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Xã hội học Đại cương

Mã số: GSO 121

Số tín chỉ: 02

Ngành đào tạo: Công nghệ sinh học

Thái Nguyên, 2021

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 01 năm 2021

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ SINH HỌC

I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Xã hội học ĐC
- Tên tiếng Anh: General Sociology
- Mã học phần: GSO121
- Số tín chỉ: 2

- Module:

- Điều kiện tham gia học tập học phần:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết: (chỉ ghi tên môn học tiên quyết nếu có, nếu không có thì ghi "không")

** Tên các học phần được nêu phải chuẩn xác theo khung CTĐT*

- Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (30/0/60)

(trong đó: **n:** Số tín chỉ

a: số tiết lý thuyết trên lớp

b: số tiết học tại phòng LAB, hay thực tập máy tính hay thực hành xưởng, nếu không có ghi 0;

c: số tiết tự học, $c = n \times 15 \times 2$).

- Học phần thuộc khối kiến thức:

Cơ bản <input checked="" type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Bổ trợ <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Nguyễn Đỗ Hương Giang**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Bộ môn: Khoa học xã hội

- Khoa: Khoa học cơ bản

- Điện thoại: 0979 87 19 10 Email: nguyendohuonggiang@tuaf.edu.vn

- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Xã hội học năm 2008 tại Trường ĐH KHXH&NV – ĐH QGHN, tiến sĩ ngành Xã hội học tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam năm 2018. Tôi bắt đầu là giảng viên và nghiên cứu viên của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2008. Hiện đang giảng dạy các môn Xã hội học đại cương, Kỹ năng mềm, Xã hội học về giới, Xã hội học gia đình, Truyền thông và vận động xã hội, Giáo dục tình dục toàn diện. Công việc nghiên cứu hiện tại tập trung vào các vấn đề cơ bản như: Nghiên cứu về thanh niên, sinh viên: định hướng nghề nghiệp, kỹ năng mềm,

giáo dục tình dục toàn diện...; Nghiên cứu về DTTS : vấn đề biến đổi văn hóa; vấn đề lao động việc làm, di cư lao động, hoà nhập xã hội của thanh niên; vấn đề biến đổi khí hậu...; Nghiên cứu về giới, gia đình...Đã thực hiện 12 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, đang là thành viên chính của 01 đề tài UB dân tộc và 01 đề tài Nafosted. Đã công bố hơn 30 bài báo, báo cáo trên tạp chí trong nước và quốc tế về chủ đề nghiên cứu và 01 cuốn sách chuyên khảo (Trong đó có 4 bài báo SCOPUS và 01 bài báo ESCI thuộc ISI đã được xuất bản); đang chủ biên 01 giáo trình Xã hội học đại cương. Là thành viên mạng lưới Tri thức trẻ toàn cầu, thành viên dự án Giáo dục tình dục toàn diện cho sinh viên Đại học Thái Nguyên, là thành viên Câu lạc bộ Hỗ trợ nữ sinh viên dân tộc thiểu số...

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Cao Đức Minh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
- Điện thoại: 0973515 276; 0345566000; Email: caoducminh@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Xã hội học năm 2012 tại Trường ĐH KHXX&NV – ĐH QGHN. Tốt nghiệp thạc sĩ năm 2014 tại Học viện Khoa học Xã hội thuộc Viện Hàn lâm KHXX VN. Lĩnh vực nghiên cứu chính: xã hội học thanh niên, xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, các vấn đề biến đổi văn hóa, ứng phó với biến đổi khí hậu của người dân tộc thiểu số,...Tham gia viết giáo trình 01 giáo trình Xã hội học đại cương, chủ nhiệm 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và tham gia 01 đề tài của UB dân tộc về vấn đề di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số và tham gia một số các bài báo đăng trên tạp chí trong nước. Hiện đang là NCS tại Liên Bang Nga.

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: **Lèng Thị Lan**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Khoa học xã hội- Khoa KHCB
- Điện thoại: 09891421696; Email: lengthilan@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Văn học năm 2001 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ năm 2005, tốt nghiệp tiến sĩ năm 2015 tại Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm KHXX VN. Lĩnh vực nghiên cứu chính là văn học/văn hóa/ xã hội học/kỹ năng mềm. Chủ trì và tham gia đăng tải 17 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước thuộc danh mục SCOPUS, chủ nhiệm 02 đề tài (cấp đại học và cấp cơ sở), tham gia 07 đề tài (01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài Ủy ban dân tộc, 05 đề tài cấp cơ sở) với các nội dung nghiên cứu về: việc làm của thanh niên dân tộc thiểu số tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong phát triển nông thôn mới/ Vai trò giới trong phát triển kinh tế hộ gia đình/Kỹ năng mềm cho

sinh viên Đại học Nông Lâm/ Vấn đề di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số. Chủ biên 01 sách chuyên khảo về đồng dao dân tộc thiểu số Việt Nam và tham gia viết 01 giáo trình Xã hội học đại cương.

III. Mô tả học phần

Môn học Xã hội học Đại cương là môn học bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; các khái niệm cơ bản xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm và xã hội; vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.

IV. Mục tiêu học phần (Mỗi học phần viết không nên quá 4 mục tiêu, mỗi mục tiêu viết không quá 2 dòng)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả mục tiêu (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực
M1	Hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, hệ thống các khái niệm, các vấn đề trong xã hội.	1	1
M2	Có tư duy sáng tạo, độc lập, hệ thống trong việc nhận diện các vấn đề xã hội.	1	1
M3	Kỹ năng giao tiếp tốt, làm việc cá nhân độc lập và làm việc nhóm, nắm bắt kịp thời các nhu cầu xã hội phục vụ phát triển ngành nghề CNSH	1	1

V. Chuẩn đầu ra học phần (n= 4 – 6 chuẩn đầu ra)

Mục tiêu học phần	Chuẩn đầu ra HP	Mô tả chuẩn đầu ra (sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được)	Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực
M 1	C 1	Nhớ hệ thống các khái niệm, phạm trù và các quy luật trong xã hội học từ đó áp dụng vào thực tiễn nhằm đánh giá vấn đề xã hội.	1	1
	C 2	Biết, hiểu về một số lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành của xã hội học để áp dụng thực tiễn nghề nghiệp	1	1
M2	C3	Áp dụng và phân tích, đánh giá để tăng kỹ năng phản biện và tổng hợp các ý kiến về vấn đề xã hội dưới góc độ xã hội học	1	1
	C4	Có kỹ năng tư duy logic, có hệ thống trong việc nhận diện các vấn đề xã hội.	1	1
M 3	C 5	Có thái độ học tập tích cực, chủ động cùng tư duy độc lập, sáng tạo, nâng cao óc phê	1	1

		phán trong học tập và nghiên cứu CNSH.		
	C 6	Có phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ nghề nghiệp tốt	1	1

Lưu ý: sự tương quan giữa mục tiêu của học phần với chuẩn đầu ra của học phần và tương quan với CDR của CTĐT.

Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần (tổng hợp từ bảng trên)

Mã học phần	Tên học phần	Mức độ đóng góp chuẩn đầu ra của CTĐT)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
GSO121	Xã hội học Đc					1			

Lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ của học phần

Nội dung	Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần					
	C1	C2	C3	C4	C5	C6
Nội dung 1: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học	a		a			a
Nội dung 2: Quan hệ xã hội và vai trò xã hội	a		a	b	b	a
Nội dung 3: Bất bình đẳng và phân tầng xã hội	a		a	b	b	a
Nội dung 4: Văn hóa và quá trình xã hội hóa	a	a	a	b	b	a
Nội dung 5: Biến đổi xã hội nông thôn và vấn đề xây dựng nông thôn mới hiện nay	a	a	a	b	b	a

Ghi chú: C là mức năng lực cao nhất của học phần

VI. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	Chuẩn đầu ra HP	Trình độ năng lực	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Địa điểm giảng dạy
Nội dung 1: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học	5			- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực	- SV trình bày, GV đánh giá các câu trả lời. - Tự luận	Giảng đường
1.1. Khái niệm Xã hội học	1	C1,C6	2			
1.2. Xã hội học và đối tượng nghiên cứu của xã hội học	1	C1,C6	2	- Thảo luận nhóm		
1.3. Chức năng của xã hội học	1	C1,C6	2			

1.4. Nhiệm vụ của môn xã hội học	0.5	C1,C6	2		- Chấm điểm Bài tập nhóm	
1.5. Điều kiện, tiền đề cho sự ra đời khoa học xã hội học	1	C1,C6	2			
1.6. Đóng góp của các nhà Xã hội học kinh điển	0.5	C1,C6	2			
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1],[2]; Tài liệu tham khảo [3] (phần I); [6] (phần I)						
Nội dung 2: Quan hệ xã hội và vai trò xã hội	5					Giảng đường
2.1. Hành động xã hội	0.5	C1, C4, C5,C6	2	- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận nhóm	- SV trình bày, GV đánh giá các câu trả lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm	
2.2. Tương tác xã hội	0.5	C1, C4, C5,C6	2			
2.3. Quan hệ xã hội	1	C1, C4, C5,C6	2			
2.4. Vị thế xã hội	1	C1, C4, C5,C6	2			
2.5. Vai trò xã hội	1	C1, C4, C5,C6	2			
2.6. Bài tập thảo luận 2.6.1. Vị thế và vai trò của nông dân trong xã hội hiện đại 2.6.2. Trách nhiệm xã hội của thanh niên/sinh viên Việt nam.	1	C1, C4, C5,C6		Thuyết trình có minh họa, động não, phát vấn		
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1],[2]; Tài liệu tham khảo [3] (phần 2); [6] (phần 2)						
Nội dung 3: Bất bình đẳng và phân tầng xã hội	5					Giảng đường
3.1. Bất bình đẳng xã hội	1	C2, C4, C5, C6	2	- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực	- SV trình bày,	

				nhập tích cực - Thảo luận nhóm	GV đánh giá các câu trả lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm	
3.2. Tìm hiểu các hiện tượng bất bình đẳng đang tồn tại ở khu vực nông thôn. Phân tích nguyên nhân và thử đề nghị giải pháp khắc phục.	1	C2, C4, C5, C6		Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp		
3.3. Phân tầng xã hội	1	C2, C4, C5, C6	2	- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận nhóm		
3.4. Thái độ và hành động của sinh viên để góp phần xây dựng phân tầng xã hội hợp thức.	1	C2, C4, C5, C6		Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp		
3.5. Di động xã hội	0.5	C2, C4, C5, C6		- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận nhóm		
3.6. Nhóm xã hội	0.5	C2, C4, C5, C6		- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận nhóm		
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1],[2]; Tài liệu tham khảo [3] (phần 2); [6] (phần 2)						
Nội dung 4: Văn hóa và quá trình xã hội hóa	5			- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực		Giảng đường
4.1. Văn hóa	1.5	C2, C4, C5, C6	2	- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực	- SV trình bày,	

4.2. Văn minh đô thị và trách nhiệm của sinh viên ở khu vực đô thị hiện nay.	1	C2, C4, C5, C6		nhập tích cực - Thảo luận nhóm	GV đánh giá các câu trả lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm	
4.3. Quá trình xã hội hóa	1.5	C2, C4, C5, C6	2			
4.4. Gia đình và nhà trường tác động đến quá trình xã hội hoá cá nhân như thế nào?	1	C2, C4, C5, C6				
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1],[2]; Tài liệu tham khảo [3] (phần 2); [6] (phần 2)						
Nội dung 5: Biến đổi xã hội nông thôn và vấn đề xây dựng nông thôn mới hiện nay	5			- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận nhóm	- SV trình bày, GV đánh giá các câu trả lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm	Giảng đường
5.1. Một số khái niệm	0.5	C2, C4, C5, C6				
5.2. Biến đổi xã hội nông thôn trong quá trình đổi mới và hội nhập	1	C2, C4, C5, C6				
5.3. Những biến đổi về kinh tế xã hội ở nông thôn Việt Nam từ 1986 đến nay.	1	C2, C4, C5, C6				
5.4. Chiến lược xây dựng nông thôn mới của Nhà nước Việt Nam hiện nay	1	C2, C4, C5, C6				
5.5. Những điểm mạnh và hạn chế của Chiến lược xây dựng nông thôn mới của Nhà nước Việt Nam	1.5	C2, C4, C5, C6				
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [3]; [6]						
Nội dung 6: Một số phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu xã hội học	5			- Thuyết trình có minh họa		Giảng đường

6.1. Phương pháp nghiên cứu xã hội học là gì?	0.5	C3, C4, C5,C6	2	- Phương pháp hòa nhập tích cực	- SV trình bày, GV đánh giá các câu trả lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm
6.2. Các loại nghiên cứu xã hội học	0.5	C3, C4, C5,C6	2	- Thảo luận nhóm	
6.3. Các bước tiến hành một nghiên cứu xã hội học	1	C3, C4, C5,C6	2		
6.4. Các phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu xã hội học	2	C3, C4, C5,C6	2		
6.5. Xây dựng một dự thảo nghiên cứu khoa học về chủ đề em quan tâm và thiết kế bảng hỏi cho đề tài đó.	1	C2, C4, C5,C6		Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp	
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [2]; [6]					
Tổng	30				

Lưu ý: Phương pháp dạy học bao gồm: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai, động não, bài tập tình huống, tư duy....

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra của học phần

Ma trận đánh giá CDR của học phần

Các CDR của học phần	Mức năng lực	Điểm chuyên cần (20%)	Điểm tra đánh giá quá trình (30%)	Điểm cuối kỳ (50%)
C1	1	x	x	x
C 2	1	x	x	x
C3	1	x	x	x
C4	1	x	x	x
C5	1	x	x	x
C6	1	x	x	x

2. Rubric đánh giá học phần

* *Điểm chuyên cần*

Điểm chuyên cần = Điểm Rubric 1 x 0,5 + Điểm Rubric 2 x 0,5

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Tham dự các buổi học lý thuyết và thảo luận	80	Tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết và thảo luận	Tham dự chỉ đạt khoảng 70% -84% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận	Tham dự chỉ đạt khoảng 50% -60% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận	Tham dự chỉ đạt khoảng 40% -50% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận	Tham dự chỉ đạt khoảng <40% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận
Thái độ học giờ lý thuyết	20	Tích cực phát biểu xây dựng bài. Xung phong làm bài tập và làm tốt bài tập xung phong.	Tương đối tích cực phát biểu xây dựng và có tinh thần xung phong làm bài tập tuy nhiên chất lượng câu trả lời chưa cao.	Chưa tích cực phát biểu xây dựng và xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời.	Chưa tích cực phát biểu xây dựng và xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời.	Chỉ tham dự lớp học nhưng không tham gia phát biểu, xung phong làm bài. Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ. Làm việc riêng trong giờ học.

Rubric 2: Tiểu luận

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Bài tiểu luận 1	50	Trả lời đúng 85-100% yêu cầu của bài tiểu luận	Trả lời đúng 70-84% yêu cầu của bài tiểu luận	Trả lời đúng 55-69% yêu cầu của bài tiểu luận	Trả lời đúng 40-54% yêu cầu của bài tiểu luận	Trả lời đúng dưới 40% yêu cầu của bài tiểu luận
Bài tiểu luận 2	50	Trả lời đúng 85-	Trả lời đúng 70-	Trả lời đúng 55-	Trả lời đúng 40-	Trả lời đúng dưới

		100% yêu cầu của bài tiêu luận	84% yêu cầu của bài tiêu luận	69% yêu cầu của bài tiêu luận	54% yêu cầu của bài tiêu luận	40% yêu cầu của bài tiêu luận
--	--	--------------------------------	-------------------------------	-------------------------------	-------------------------------	-------------------------------

*** Điểm giữa kỳ**

Điểm giữa kỳ = Điểm Rubric 3 x 0,7 + Điểm Rubric 4 x 0,3

Rubric 3: Bài kiểm tra giữa kỳ

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Bài thi tự luận	40%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 70%-84% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 55%-69% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 40%-54% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng <40% yêu cầu của bài tự luận
Trình bày trên lớp (thuyết trình, diễn kịch, ...)	60%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao.	Đáp ứng 70%-84% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao.	Đáp ứng 55%-69% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao.	Đáp ứng 40%-54% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao.	Đáp ứng <40% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao.

Rubric 4: Thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Trả lời câu hỏi (Nhóm)	20%	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng câu hỏi chung về đề tài.	Trả lời được khoảng 70% nội dung câu hỏi chung về đề tài.	Trả lời được khoảng 50% nội dung câu hỏi chung về đề tài.	Trả lời được khoảng 35-40% nội dung câu hỏi chung về đề tài.	Không trả lời được câu nào
Trả lời câu hỏi (Cá nhân)	20%	Nắm vững và trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng về công việc	Trả lời được khoảng 70% về công việc được giao	Trả lời được khoảng 50% về công việc được giao trong nhóm.	Trả lời được khoảng 35-40% về công việc được giao trong nhóm.	Không trả lời được câu nào

		được giao trong nhóm	trong nhóm.			
Hoạt động chung nhóm	10%	Có sự phân công và cộng tác tốt giữa các thành viên trong nhóm.	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng sự phân chia công việc không đều.	Có sự kết hợp của các thành viên, chỉ có một vài thành viên làm và báo cáo.	Không có sự kết hợp của các thành viên, chỉ có một vài thành viên làm và báo cáo.	Các thành viên trong nhóm không hoạt động. Dựa trên tài liệu tham khảo biến tấu thành bài của mình.
Hình thức báo cáo	10%	Cách trình bày báo cáo lộn cuồn, rõ ràng, dễ hiểu. Có phân chia báo cáo giữa các thành viên.	Bài báo cáo khá đầy đủ nhưng không trình bày mạch lạc. Có phân chia báo cáo giữa các thành viên.	Bài báo cáo không đầy đủ, trình bày không rõ ràng. Không phân chia báo cáo giữa các thành viên.	Bài báo cáo sơ sài, không thể hiểu được nội dung. Không phân chia báo cáo giữa các thành viên	Không báo cáo được.

* **Điểm cuối kỳ**

Điểm cuối kỳ = điểm Rubric 5 (HOẶC 6) x 1,0

Rubric 5: Bài thi hết môn (VẤN ĐÁP)

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM >4,0
Kiến thức	50	Hiểu rõ và trả lời đầy đủ, rõ ràng, thoả đáng câu hỏi giảng viên đưa ra	Trả lời được khoảng 70% về câu hỏi của giảng viên.	Trả lời được khoảng 50% về câu hỏi của giảng viên.	Trả lời được khoảng 30-40% về câu hỏi của giảng viên.	Không trả lời được câu nào
Kỹ năng	20	Hoạt động	Hoạt động khá tích	Biết sử dụng kỹ năng thuyết	Ít sử dụng kỹ	Chưa biết sử

		tích cực và trả lời câu hỏi lưu loát, vận dụng tốt các kỹ năng được học	cực và trả lời câu hỏi khá lưu loát, vận dụng tốt các kỹ năng được học	trình nhưng chưa hiệu quả.	năng trong thuyết trình	dụng các kỹ năng thuyết trình
Trả lời câu hỏi phụ	20	Có tính thuyết phục, đảm bảo độ tin cậy	Đạt yêu cầu về nội dung	Đạt yêu cầu về nội dung nhưng thiếu logic	Có trả lời nhưng chưa đạt yêu cầu về nội dung	Không trả lời được
Điểm thưởng	10	Kết hợp tốt các kiến thức, kỹ năng và trả lời tốt câu hỏi phụ	Biết kết hợp các kiến thức, kỹ năng và trả lời được câu hỏi phụ	Chưa kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức và kỹ năng trong khi trả lời câu hỏi.	Không có điểm thưởng	Không có điểm thưởng

Rubric 6: Bài thi hết môn (TỰ LUẬN)

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM >4,0
Hiểu và vận dụng kiến thức nền của môn để xây dựng hoặc giải quyết chủ đề được giao	100%	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu nghiên cứu	Trình bày gần đầy đủ nội dung yêu cầu nghiên cứu	Trình bày được 1 nửa nội dung nghiên cứu.	Trình bày một phần nội dung nghiên cứu.	Trình bày chỉ một phần nhỏ của nội dung yêu cầu nghiên cứu.

VIII. Tài liệu học tập (ghi rõ mã số của thư viện)

1. Giáo trình: Từ 1-3 GT

[1] Nguyễn Đỗ Hương Giang, Lèng Thị Lan, Cao Đức Minh, Giáo trình nội bộ Xã hội học đại cương (2021), Khoa Khoa học Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

[2] Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (Đồng chủ biên), Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Hoàng Bá Thịnh, Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2008.

Mã số thư viện: <http://old.lrc.tnu.edu.vn/Default.aspx?page=PrintBookDetail&SubId=70408>

2. Tài liệu tham khảo: từ 3-5 tài liệu

01. Tổng Văn Chung, *Xã hội học nông thôn*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
Mã số thư viện:
<http://old.lrc.tnu.edu.vn/Default.aspx?page=PrintBookDetail&SubId=93031>
02. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2011. Mã số thư viện:
<http://old.lrc.tnu.edu.vn/Default.aspx?page=PrintBookDetail&SubId=83918>
03. Nhóm dịch giả: Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hoá, *Từ điển Xã hội học Oxford*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2012. (Chưa có mã số thư viện)
04. Rechard T.Schaefer, *Xã hội học*, Người dịch: Huỳnh Văn Thanh, Nhà xuất bản Thống kê, 2005. (Chưa có mã số thư viện)
05. Mai Văn Hai, *Xã hội học văn hóa*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2011. Mã số thư viện: 306.4/HAI.
06. Nguyễn Xuân nghĩa, *Xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, năm 2017. (Chưa có mã số thư viện)

IX. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học của học phần (tiết)			Tổng
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
Nội dung 1: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học	3	0	6	9
Nội dung 2: Quan hệ xã hội và vai trò xã hội	5	0	15	20
Kiểm tra giữa kỳ	1	0		1
Nội dung 3: Bất bình đẳng và phân tầng xã hội	7	0	15	22
Nội dung 4: Văn hóa và quá trình xã hội hóa	6	0	15	21
Nội dung 5: Biến đổi xã hội nông thôn và vấn đề xây dựng nông thôn mới hiện nay	8	0	9	17
Tổng	30	0	60	90

X. Định hướng nội dung nghiên cứu của học phần:

- Vấn đề vai trò và vị thế của sinh viên trong xã hội hiện đại
- vấn đề bất bình đẳng xã hội (đặc biệt ở khu vực nông thôn)
- vấn đề phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay

- vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc dưới tác động của quá trình toàn cầu hoá.

- vấn đề biến đổi xã hội nông thôn

- Vấn đề xây dựng nông thôn mới

XI. Yêu cầu của giảng viên về cơ sở vật chất để giảng dạy học phần:

- Phòng học: đầy đủ bàn ghế, đủ không gian thảo luận nhóm, thoáng, sạch

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Giấy A4, A0, bút dạ, bút màu, máy chiếu, mạng wifi...

- Đối với sinh viên: Sinh viên cần bám sát nội dung trong đề cương bài giảng (giáo trình) để học tập. Cố gắng ghi chép tối đa thông tin giáo viên truyền đạt trên lớp. Trong quá trình tham gia học tập trên lớp phát huy tối đa khả năng tư duy logic, trình bày và thảo luận trao đổi vấn đề. Ngoài ra, khuyến khích sinh viên đọc thêm các tài liệu tham khảo liên quan tới học phần môn học. Cuối mỗi chương học, yêu cầu sinh viên tóm tắt nội dung môn học bằng sơ đồ cây.

XII. Ngày phê duyệt lần đầu: 28/03/2020

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Lèng Thị Lan

TS. Nguyễn Đỗ Hương Giang

XIII. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết (hàng năm)

<p>Lần 1:</p> <p>- Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: <i>ngày 28 tháng 3 năm 2020</i></p> <p>- Lý do cập nhật, bổ sung</p>	<p><Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)</p> <p>TS. Nguyễn Đỗ Hương Giang P. Trưởng Bộ môn:</p> <p>TS. Dương Thị Kim Huệ</p>
--	--

<p>Lần 2: Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng 4 năm 2020</p> <p>- Lý do cập nhật, bổ sung</p>	<p><Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)</p> <p>TS. Nguyễn Đỗ Hương Giang Trưởng Bộ môn:</p> <p>TS. Dương Thị Kim Huệ</p>
<p>Lần 3: : ngày 18 tháng 11 năm 2020</p> <p>- Lý do cập nhật, bổ sung</p>	<p><Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)</p> <p>TS. Nguyễn Đỗ Hương Giang Trưởng Bộ môn:</p> <p>TS. Dương Thị Kim Huệ</p>